

Nguyễn Duy Dũng(Bài 6 -> Bài 14)

9. Dependency

Khái niệm: quản lý phụ thuộc= là quản lý thư viện
+ mục đích: giúp việc quản lý thư viện trở nên dễ dàng hơn

Ant(2000): import thư viện thủ công, không có file quản lý thư viện phụ thuộc
Maven(2004): khắc phục nhược điểm của Ant, có file quản lý thư viện
Gradle(2012): khắc phục nhược điểm của Maven. sử dụng file build.gradle-> gọn nhẹ hỗ trợ nhiều ngôn ngữ lập trình

Có 3 cách build dự án:
+Maven, Ant và Gradle

8. Transaction

khái niệm; là 1 tiến trình có điểm đầu và điểm cuối được chia làm nhiều hoạt động nhỏ

Các tính chất;
+A(atomicity):all or nothing(tất cả hoặc không)
+ C(Consistency): nếu transaction gây ra những vi phạm về ràng buộc, hệ thống sẽ không cho phép thực hiện tiếp tiến trình và transaction sẽ bị hủy bỏ
+I(isolation): đảm bảo 2 transaction cùng cập nhật dữ liệu trên 1 bảng thì hệ quản trị CSDL sẽ đảm bảo chúng thực hiện 1 cách tuần tự
+D(durability); khi transaction thực hiện thành công -. thì những cập nhật sẽ trở nên cố định và dữ liệu sẽ luôn là như vậy

7. JDBC

khái niệm: là 1 API dùng để kết nối ứng dụng java và DB

Các thành phần; + Driver; liên kết các kết nối tới DB
+Driver manager: quản lý các driver
+Connect: biểu diễn kết nối với DB -> tạo ra các đối tượng Statement, PreparedStatement, CallableStatement

các thông tin khi connect Java -. DB
+ địa chỉ : localhost:3306+ tên DB
+ cần import driver
+user name: root
+password: pass khi cài SQL

cách tạo câu truy vấn ở Java -> DB
+Statement: sử dụng câu truy vấn không có tham số
+PreparedStatement: sử dụng câu truy vấn có tham số hoặc không
+ Callable Statement; sử dụng được như Prepared statement + có thể gọi Stored Procedure

Cách xử lý kết quả ở Java sau khi truy vấn đến DB: sử dụng Result Set để đón kết quả từ câu truy vấn

6. MVC

Khái niệm: là mô hình kiến trúc phần mềm chia làm 3 tầng:
+View: là nơi hiển thị dữ liệu+ tương tác với người dùng
+Model:biểu diễn dữ liệu , xử lý nghiệp vụ tương tác với DB
+ Controller: nhận request, xử lý request là cầu nối view và model

Luồng thực thi: +Khi có 1 request gửi tới:
+controller sẽ nhận request và gửi dữ liệu sang model xử lý
+Model sẽ thực hiện kiểm tra dữ liệu(validate), tính toán dữ liệu, nếu cần thì kết nối DB
+Model sẽ trả dữ liệu về cho controller
+Controller sẽ in dữ liệu lên View
+Controller sẽ trả view về cho người dùng

Others

5. JSTL

khái niệm : thư viện được viết bằng ngôn ngữ Java -> hỗ trợ việc hiển thị trên trang jsp dễ dàng hơn

Core Tag(khoảng 14 thẻ) Formatting Tag SQL tag XML tag JSTL Function Các nhóm thẻ

<c:redirect url = "đường dẫn"></c:redirect> dùng để chuyển hướng trang

<c:if text ="điều kiện"> nội dung hiển thị </c:if> hiển thị khi điều kiện đúng

<c:foreach var="biến đại diện" items ="mảng/danh sách list" varstatus="biến trạng thái vòng lặp"> Nội dung lặp </c:foreach>

1 số thẻ jstl hay dùng:

<c:choose>

<c: when test ="điều kiện 1">

</c: when>

---nội dung hiển thị---

<c:other wise>

- --- nội dung hiển thị khác khi case không đúng

</c:other wise>

</c:choose>

1. CSS

Cascading Style Sheets Khái niệm; Mô tả cách hiển thị HTML trên trang web

Inline: sử dụng thuộc tính style để định danh cho html

Internal: Sử dụng cặp thẻ style đặt trên thẻ head

External: tạo 1 file css và nhúng qua html thông qua thẻ link

khái niệm; bộ chọn chọn thẻ html để style

Id: sử dụng # để định nghĩa

class: sử dụng dấu chấm để định nghĩa

element/tag: sử dụng tên của thẻ html

khái niệm: 1 hộp bao quanh thẻ html

Content: nội dung

Padding: khoảng cách từ content tới border

Border; độ dày đường viền

Margin: khoảng cách từ box model này đến box model kia

Khái niệm: 1 câu lệnh của css, xác định cách thức hiển thị vị trí của html

Static: vị trí mặc định html, không bị ảnh hưởng tới các thuộc tính top, left, right, bottom

Relative: định vị vị trí tuyệt đối của các thành phần, không gây ảnh hưởng đến vị trí ban đầu và các thành phần khác. bị ảnh hưởng bởi các thuộc tính left, right, top, bottom

Absolute: định vị vị trí tuyệt đối của thành phần theo thành phần bao ngoài, hoặc ít nhất là cửa sổ trình duyệt

Fixed: định vị và cố định phần tử nằm yên 1 chỗ

Sticky: khi cuộn scrollbar đến vị trí nào đó, phần tử html sẽ giãn cố định trên vị trí của trang web

Display: thuộc tính của css-quy định cách thức hiển thị của các thẻ html

none;không hiển thị
inline: không bắt đầu bằng dòng mới, note đến đâu chiếm đến đó
block: bắt đầu bằng 1 dòng mới, nội dung chiếm toàn bộ chiều rộng của trình duyệt flex

2. WEBSITE LAYOUT DESIGN

Layout(bố cục trang web): layout tốt sẽ hiển thị trang web có tính chuyên nghiệp

Grid view: dùng áp dụng thiết kế web với nhiều row, trong row có nhiều cột

Responsive web: là thiết kế website mà có thể hiển thị trên các kích thước màn hình khác nhau và vẫn đảm bảo nội dung

Cách thiết kế Web responsive : dùng grid view = @ media queries(dùng để css 1 khối thuộc tính vào kích thước màn hình)

3. Bootstrap

Khái niệm: là 1 front-end framework miễn phí giúp thiết kế web nhanh hơn và dễ dàng hơn

Online: sử dụng CDN

Offline: download file và js về và nhúng vào trong html

Floating Topic

Navbar

Table

Form

Modal

Các thành phần thông dụng

4. Java web

HTTP(Hyper text transfer protocol) Giao thức truyền tải siêu văn bản giữa client và server

Static web; web tĩnh, nội dung không thể thay đổi, sử dụng ngôn ngữ front-end để viết

Dynamic web: web động, sử dụng ngôn ngữ front-end và back-end để viết và có thêm database

Get: + dữ liệu sẽ hiển thị trên Url
+ không bảo mật
+ chỉ gửi dữ liệu dạng text, giới hạn dung lượng
+ tốc độ nhanh hơn

Post: +gửi ngầm
+ bảo mật hơn
+có thể gửi dc nhiều dữ liệu
+ không giới hạn dung lượng
+ tốc độ chậm hơn

Request: là yêu cầu người dùng lên server

Response: là phản hồi từ server về client

JSP: được viết dựa trên html và có thể nhúng code java

Servlet: được viết dựa trên Java và có thể nhúng code html